SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK
**TRUNG TÂM Y TẾ SƠN HOÀ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 469 /QĐ-TTYT

*Sơn Hòa, ngày 23 tháng 11 năm 2026*

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm thuốc lần 4 phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Trung tâm Y tế Sơn Hòa năm 2026.

## GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ SƠN HOÀ

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu;*

*Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 01/07/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quân, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế về việc quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 134/2026/TT-BTC ngày 09/09/2026 của Bộ Tài Chính về quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;*

*Căn cứ Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk ban hành qui định về thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk;*

*Căn cứ Quyết định số 0132/QĐ-UBND ngày 02/7/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc quy định cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk;*

*Căn cứ Công văn số 9045 /SYT-NVYD ngày 13 tháng 11 năm 2026 của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk về việc chủ động mua sắm thuốc thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp địa phương;*

Theo đề nghị của Tổ Chuyên gia tại Tờ trình số 1665/TTr-TTYT ngày 23/11/2026 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp các gói thầu thuốc thuộc Dự toán mua sắm thuốc lần 4 phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Trung tâm Y tế Sơn Hòa năm 2026.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm thuốc lần 4 phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Trung tâm Y tế Sơn Hòa năm 2026 với nội dung chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II đính kèm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông, (bà) Hội đồng Mua sắm, Tổ Chuyên gia và Trưởng các khoa, phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 2;
- Lưu VT, KD.

**GIÁM ĐỐC**

SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK
TRUNG TÂM Y TẾ SƠN HÒA

BSCKI. LÊ THỊ THANH NHÀN

# PHỤ LỤC I
## KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

**Dự toán mua sắm thuốc lần 4 phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh của Trung tâm Y tế Sơn Hòa năm 2026.**

*(Kèm theo Quyết định số: 469 /QĐ-TTYT ngày 23 tháng 11 năm 2026 của Trung tâm Y tế Sơn Hoà)*

| STT | Tên chủ đầu tư | Tên gói thầu | | Giá gói thầu | Nguồn vốn | Hình thức lựa chọn nhà thầu | Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu | Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu | Loại hợp đồng | Thời gian thực hiện gói thầu | Tùy chọn mua thêm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | ***Tên gói thầu*** | ***Tóm tắt công việc chính của gói thầu*** | | | | | | | | |
| 1 | Trung tâm Y tế Sơn Hoà | **Gói thầu GE08/2026:** | **Cung cấp** 16 mặt hàng thuốc Generic, trong đó, nhóm 1 gồm 01 mặt hàng, nhóm 2 gồm 03 mặt hàng, nhóm 3 gồm 02 mặt hàng, nhóm 4 gồm 09 mặt hàng, nhóm 5 gồm 01 mặt hàng. | **1.037.963.415** *(Một tỉ không trăm ba mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm mười lăm đồng )* | Nguồn thu dịch vụ khám, chữa bệnh của đơn vị | Chào giá trực tuyến rút gọn | 30 ngày | Tháng 11/2026 | Đơn giá cố định (xét theo từng phần của gói thầu) | 150 ngày | Không |
| **Tổng giá các gói thầu thuộc dự toán: 1.037.963.415** *(Một tỉ không trăm ba mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm mười lăm đồng )* | | | | | | | | | | | |

# PHỤ LỤC II

**Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm thuốc lần 4 phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh của Trung tâm Y tế Sơn Hòa năm 2026**

*(Kèm theo Quyết định số:469 /QĐ-TTYT ngày 23 tháng 11 năm 2026 của Trung tâm Y tế Sơn Hoà)*

| STT | Tên hoạt chất | Nồng độ, hàm lượng | Đường dùng | Dạng bào chế | Nhóm TCKT | Đơn vị tính | Số lượng kế hoạch (VNĐ) | Đơn giá tạm tính | Thành tiền (VNĐ) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Cefaclor | 500mg | Uống | Viên nang cứng | 2 | Viên | 30.000 | 6.900 | 207.000.000 | |
| 2 | Amoxicilin + Acid clavulanic | 500mg + 62,5mg | Uống | Viên nén phân tán | 2 | Viên | 20.000 | 9.450 | 189.000.000 | |
| 3 | Metformin hydroclorid | 1000mg | Uống | Viên nén bao phim | 3 | Viên | 100.000 | 504 | 50.400.000 | |
| 4 | Etodolac | 200mg | Uống | Viên nén bao phim | 2 | Viên | 100.000 | 2.800 | 280.000.000 | |
| 5 | Paracetamol | 250mg | Uống | Bột/cốm/hạt pha uống | 4 | Gói | 22.000 | 282 | 6.204.000 | |
| 6 | Trimetazidin dihydroclorid | 35mg | Uống | Viên nén giải phóng kéo dài | 3 | Viên | 332.000 | 530 | 175.960.000 | |
| 7 | Cồn 94° | 500ml | Dùng ngoài | Dung dịch dùng ngoài | 4 | Chai | 300 | 28.000 | 8.400.000 | |
| 8 | Glyceryl trinitrat | 10mg/10ml | Tiêm | Dung dịch tiêm | 1 | Ống | 10 | 105.000 | 1.050.000 | |
| 9 | Levofloxacin | 500mg | Uống | Viên nén bao | 4 | Viên | 2.000 | 740 | 1.480.000 | |

| STT | Tên hoạt chất | Nồng độ, hàm lượng | Đường dùng | Dạng bào chế | Nhóm TCKT | Đơn vị tính | Số lượng kế hoạch (VNĐ) | Đơn giá tạm tính | Thành tiền (VNĐ) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | phim | | | | | | |
| 10 | N-Acetyl-DL-Leucin | 500mg/5ml | Tiêm | Dung dịch tiêm | 4 | Ống | 10.000 | 9.786 | 97.860.000 | |
| 11 | Natri clorid | 4,5g/500ml x 500ml | Dùng ngoài | Dung dịch vô khuẩn dùng trong phẫu thuật | 4 | Chai | 120 | 7.340 | 880.800 | |
| 12 | Natri clorid | 0,9%/500 ml | Tiêm truyền | Dung dịch tiêm truyền | 4 | Chai | 1.000 | 6.780 | 6.780.000 | |
| 13 | Diclofenac | 75mg/3ml | Tiêm | Dung dịch tiêm | 4 | Ống | 600 | 1.500 | 900.000 | |
| 14 | Diphenhydramin hydroclorid | 10mg/1ml | Tiêm | Dung dịch tiêm | 4 | Ống | 1.555 | 893 | 1.388.615 | |
| 15 | Insulin người tác dụng trung bình, trung gian | 40IU/ml | Tiêm | Dung dịch tiêm | 5 | Lọ | 20 | 92.000 | 1.840.000 | |
| 16 | Nước cất pha tiêm | 10ml | Tiêm | Dung môi pha tiêm | 4 | Lọ | 10.000 | 882 | 8.820.000 | |
| | **Tổng cộng: 16 mặt hàng** | | | | | | | | **1.037.963.415** | |